

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG DŨNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG DŨNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUNG DUNG INVESTMENT CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRUNG DUNG CONSTRUCTION ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109413083

3. Ngày thành lập: 11/11/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 29A, ngõ 356 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904882622

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao. - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức	4649
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (loại trừ hoạt động tổ chức họp báo)	8230
5.	Bán buôn tổng hợp	4690
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
9.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
10.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
11.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
15.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Hoạt động trang trí nội, ngoại thất (trừ dịch vụ thiết kế công trình)	7410
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển	5229
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Điều hành tua du lịch	7912
25.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý bán hàng hóa.	4610
27.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
30.	Sản xuất điện	3511
31.	Truyền tải và phân phối điện - Bán lẻ điện.	3512

32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình. - Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình. - Lập quy hoạch xây dựng. - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thi công xây dựng công trình. - Giám sát thi công xây dựng công trình. - Kiểm định xây dựng. - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110(Chính)
33.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm).	7810
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
53.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

54.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
55.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
56.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
57.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
59.	Xuất bản phần mềm	5820
60.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
63.	Đào tạo sơ cấp	8531
64.	Đào tạo trung cấp	8532
65.	Đào tạo cao đẳng	8533
66.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
67.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
68.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ Dạy về tôn giáo và các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
69.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Trồng lúa	0111
72.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
73.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
74.	Trồng cây mía	0114
75.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
76.	Trồng cây lấy sợi	0116
77.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
78.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
79.	Trồng cây hàng năm khác	0119
80.	Trồng cây ăn quả	0121
81.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
82.	Trồng cây điều	0123
83.	Trồng cây hồ tiêu	0124
84.	Trồng cây cao su	0125
85.	Trồng cây cà phê	0126

86.	Trồng cây chè	0127
87.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
88.	Trồng cây lâu năm khác	0129
89.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
90.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
91.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
92.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
93.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
94.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
95.	Chăn nuôi gia cầm	0146
96.	Chăn nuôi khác	0149
97.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
98.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
99.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
100.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
101.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
102.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
103.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
104.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ HOA	Số 29A, ngõ 356 đường Kim Giang, tổ 23, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	040181000022	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN BÁ ĐỒNG	Số 29A, ngõ 356 đường Kim Giang, tổ 23, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	042079000396	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		

3	TRẦN THỊ HOA MAI	C23 Nơ 8, Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	50,000	040183000867
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THỊ HOA MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040183000867

Ngày cấp: 01/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C23 Nơ 8, Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: C23 Nơ 8, Khu đô thị mới Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội